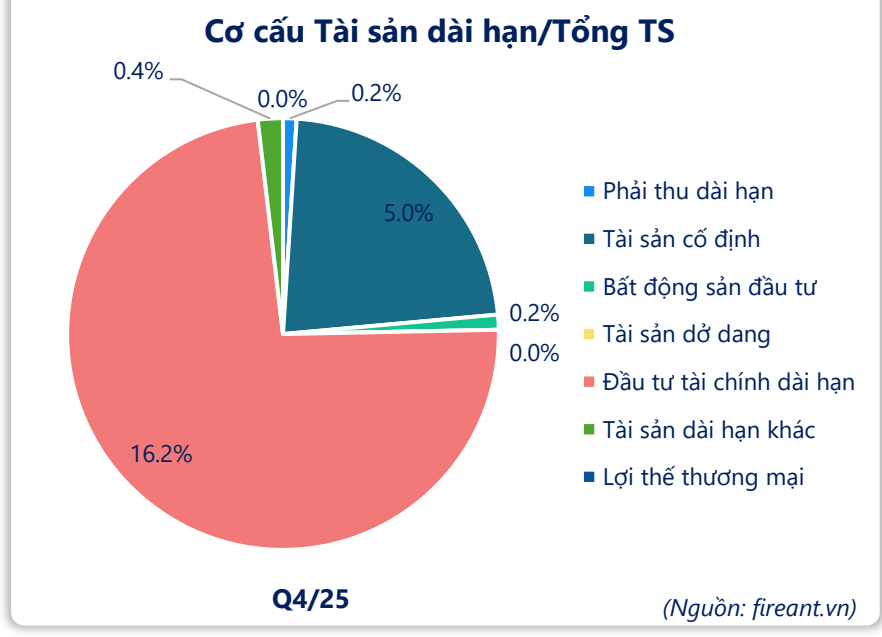
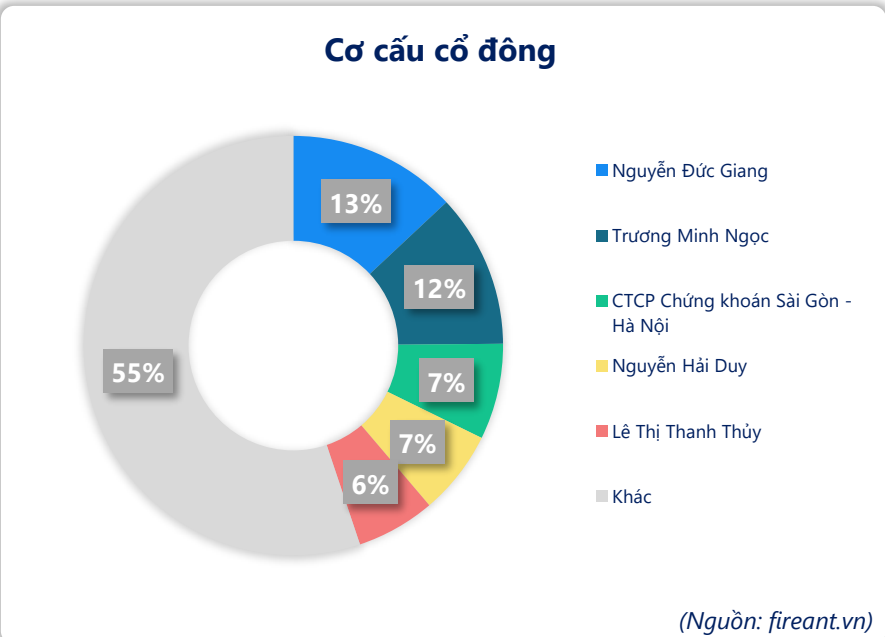
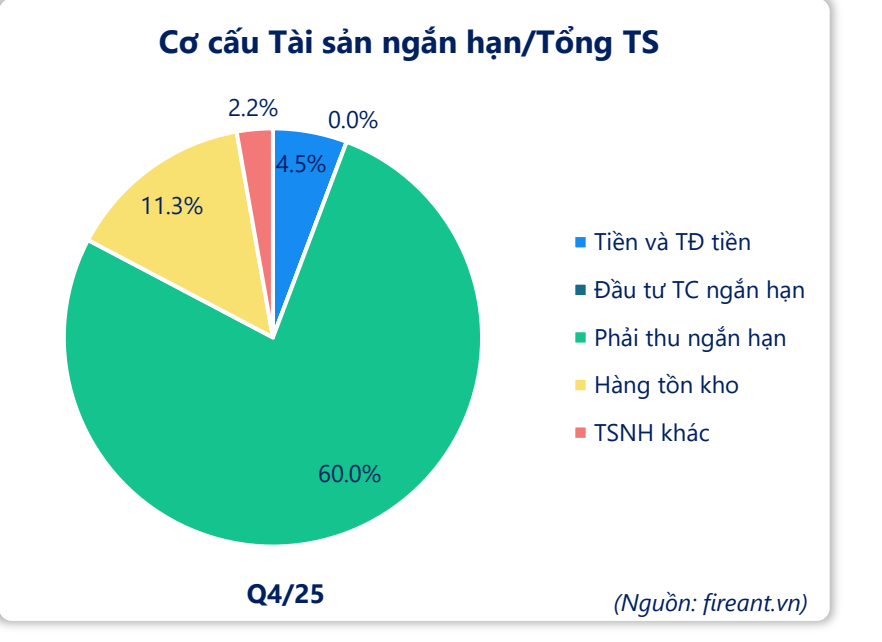
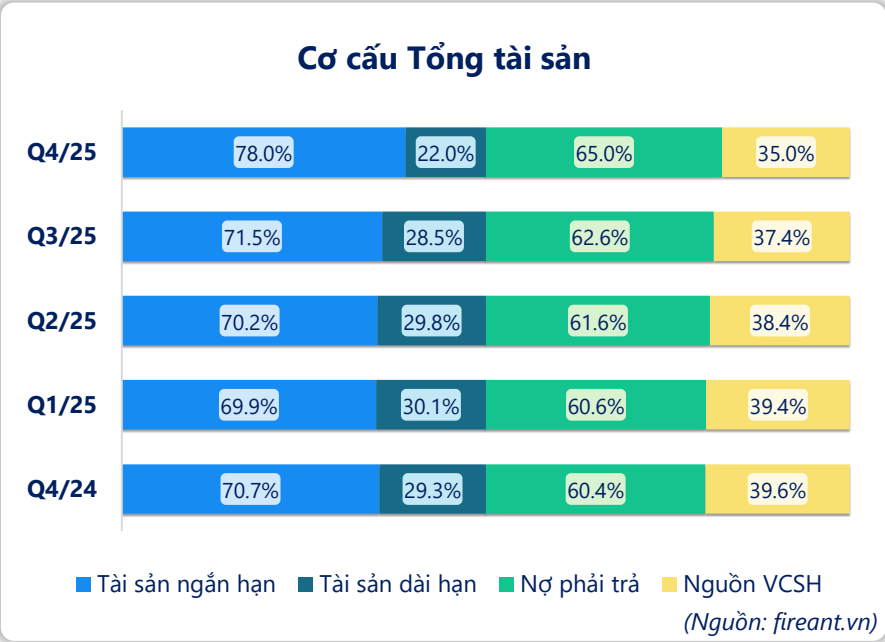
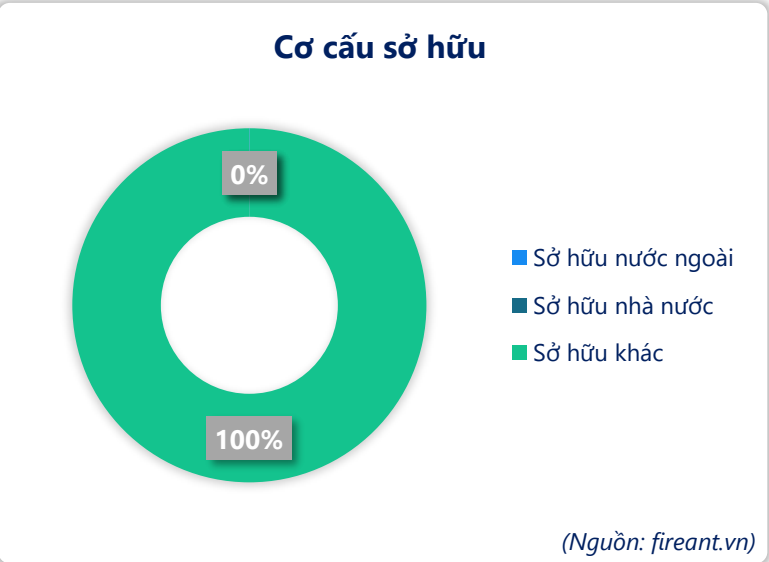
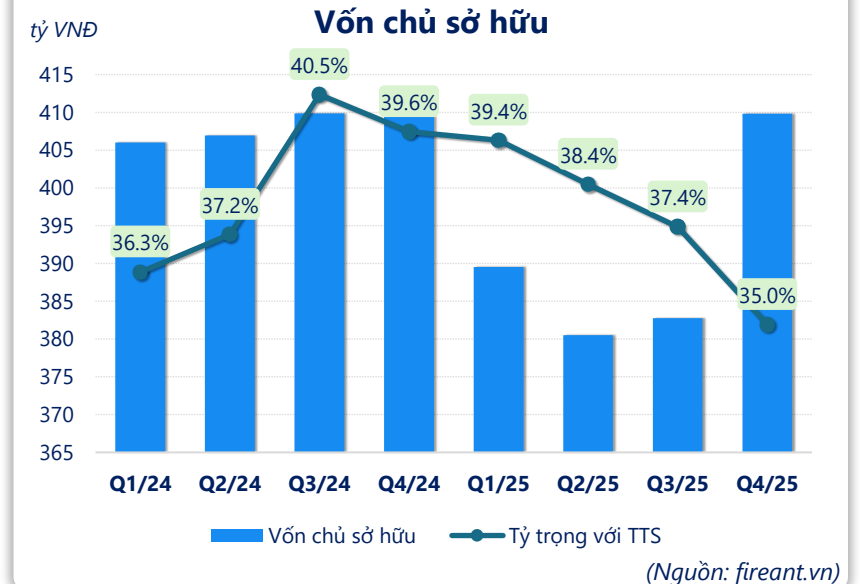
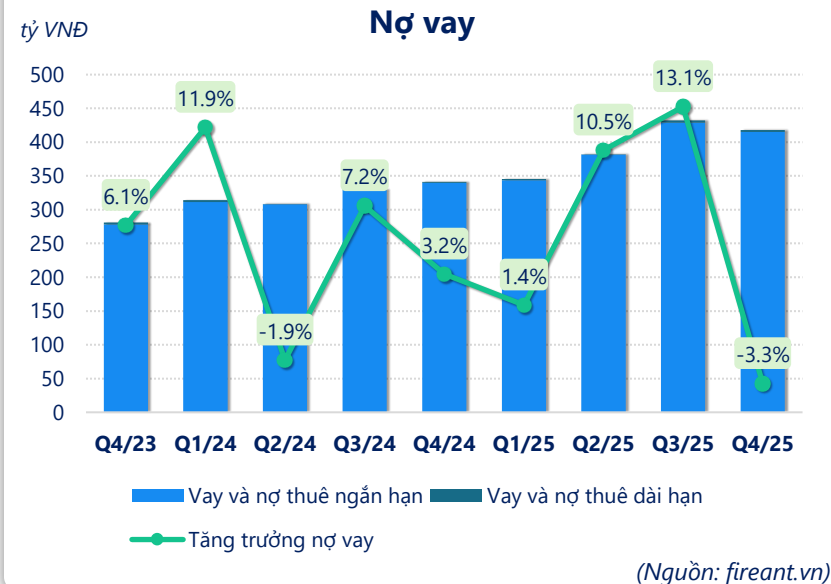
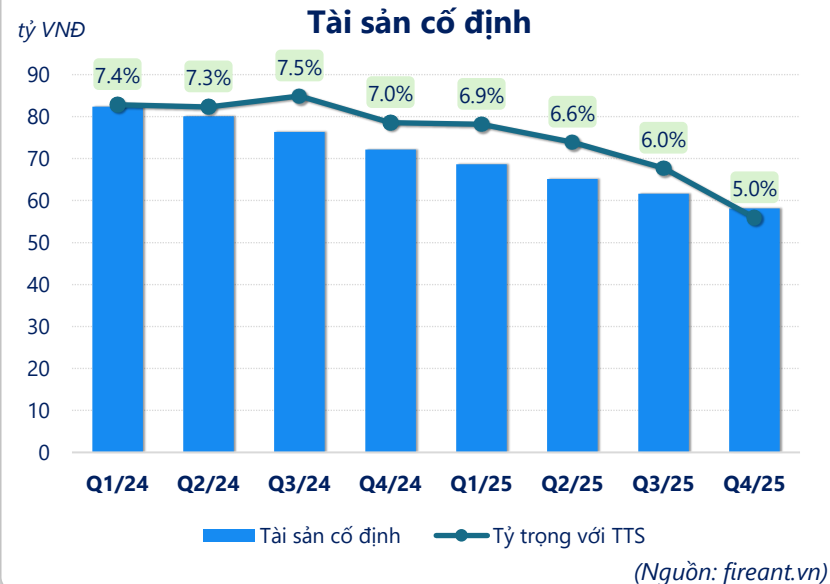
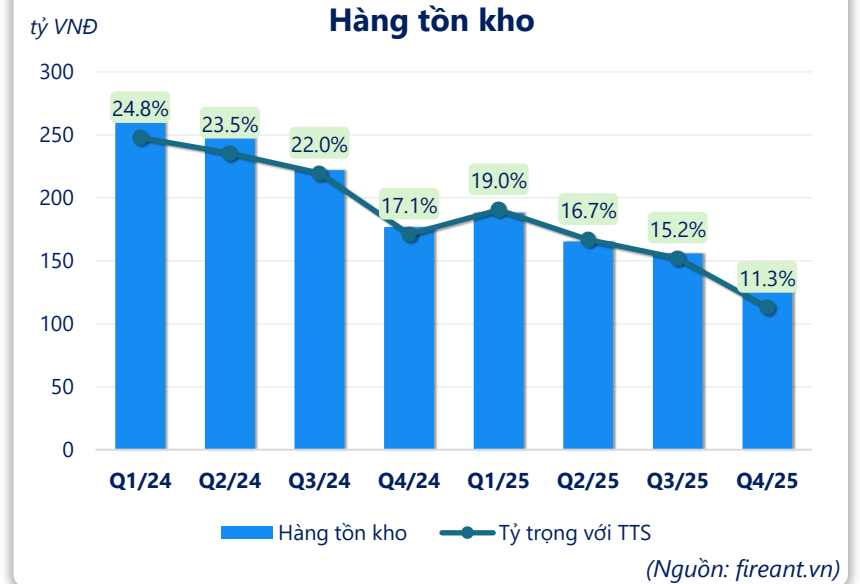
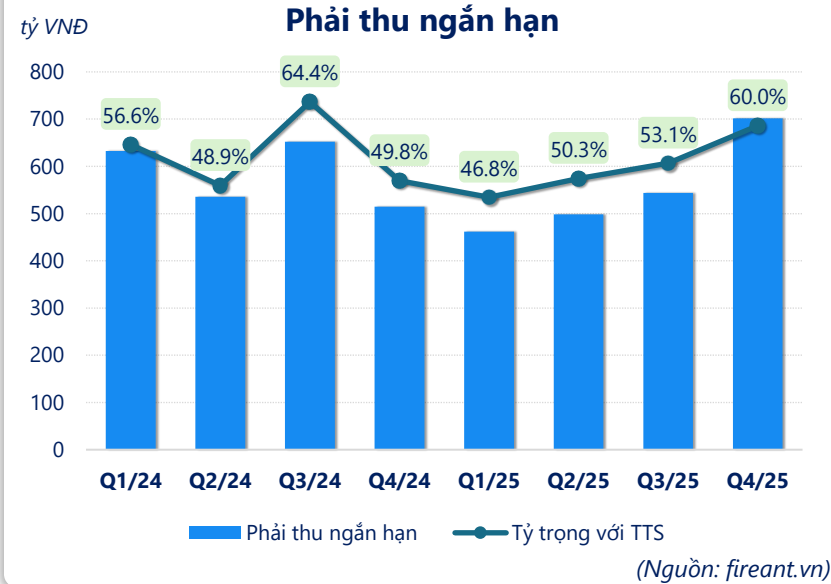
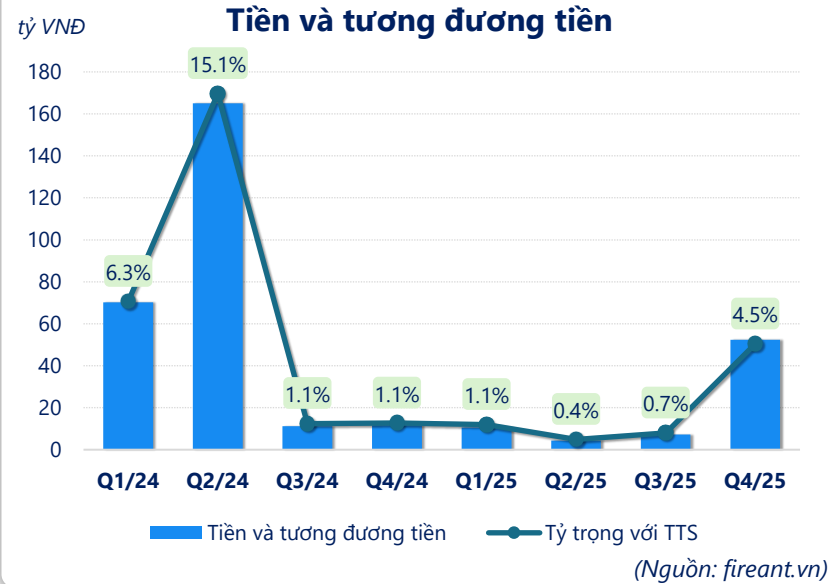
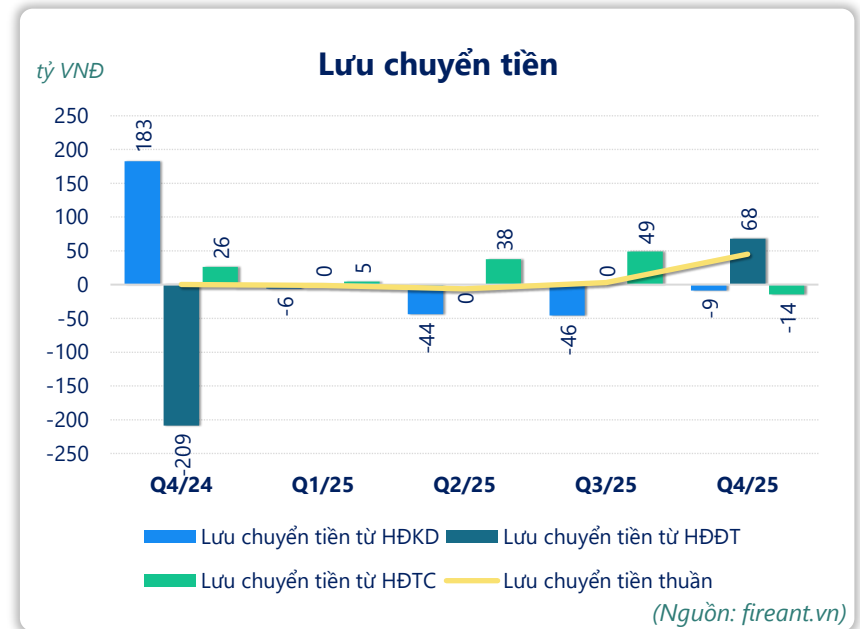
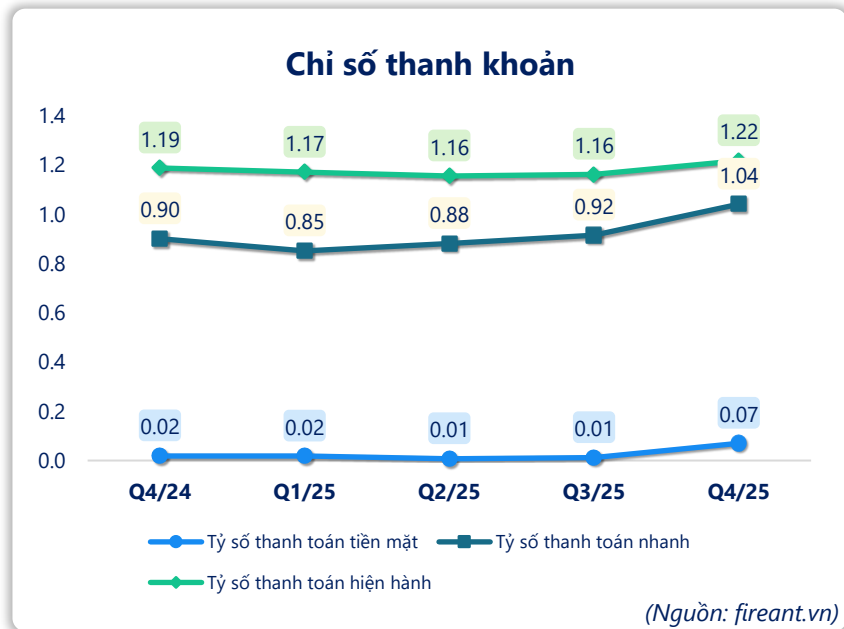
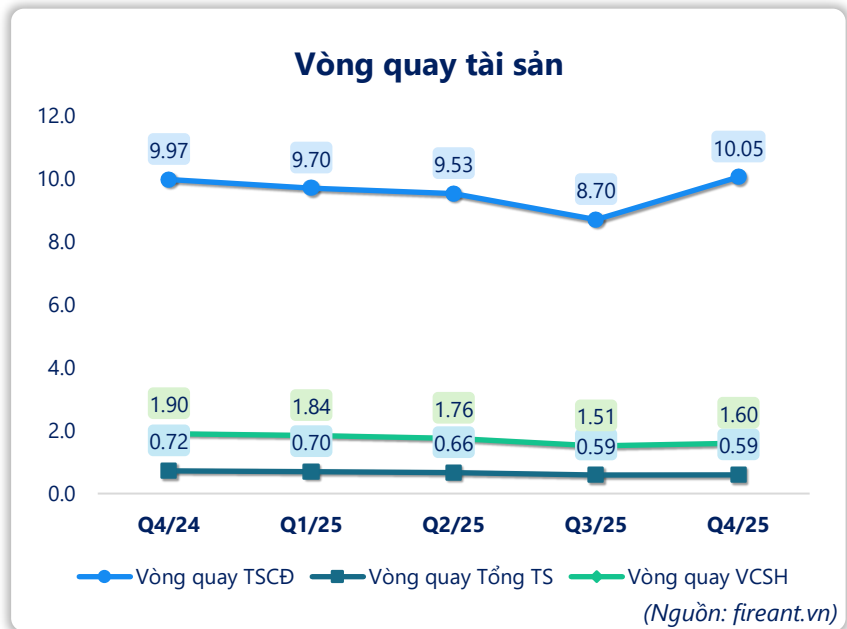
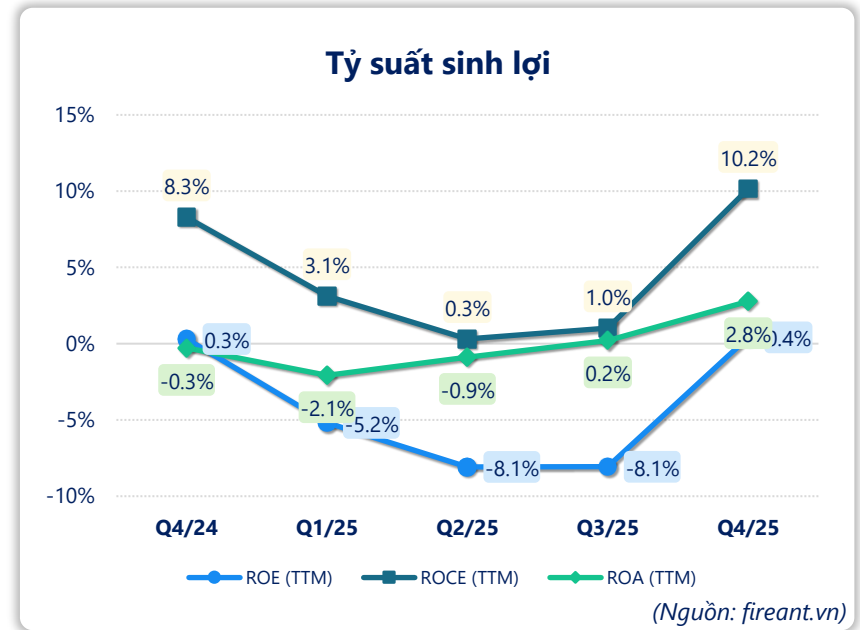
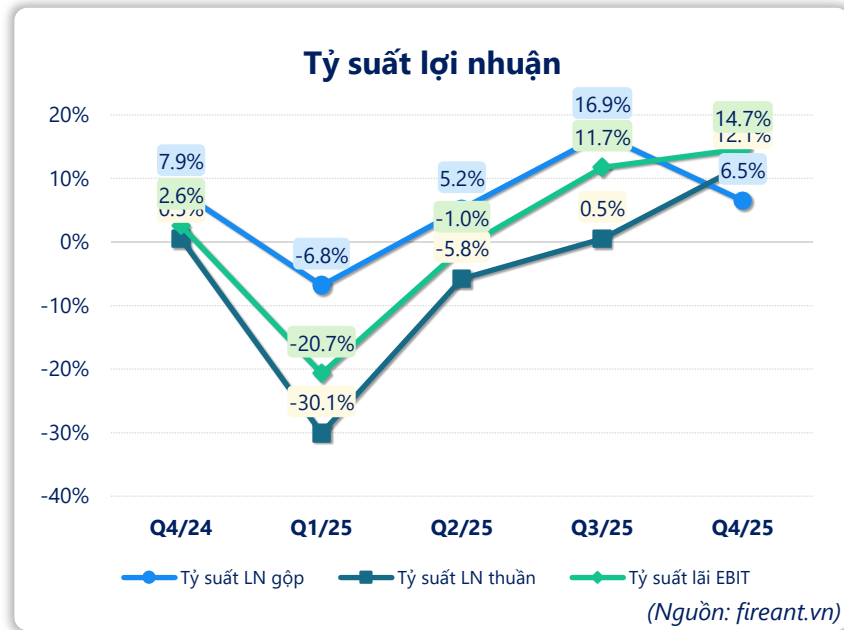
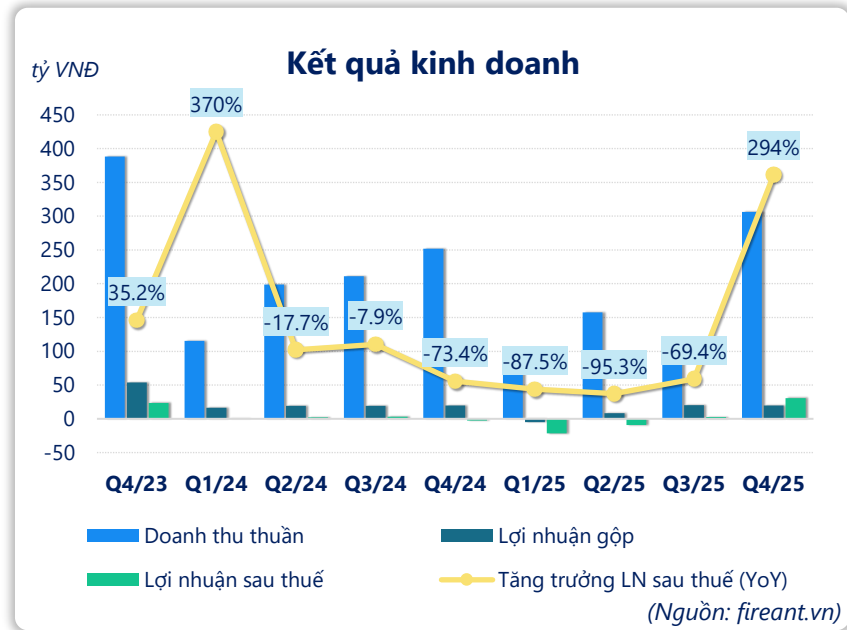


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		15,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		32,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		12,800
SL cổ phiếu LH		32,064,749
KLGD BQ 20 phiên (CP)		825
% sở hữu nước ngoài		0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		497
P/E		293.4
EPS		53

	YTD	1T	3T	6T
RCC	-0.6%	-29.2%	-39.2%	-22.1%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,169	1,047	11.7%
Tài sản ngắn hạn	912	744	22.6%
Tiền và tương đương tiền	52.3	11.6	350%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	702	525	33.7%
Hàng tồn kho	132	179	-26.1%
Tài sản ngắn hạn khác	25.4	28.7	-11.5%
Tài sản dài hạn	258	303	-14.9%
Phải thu dài hạn	2.62	2.38	10.0%
Tài sản cố định	58.1	72.1	-19.5%
Bất động sản đầu tư	2.90	2.99	-3.2%
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	189	218	-13.0%
Tài sản dài hạn khác	4.82	7.66	-37.0%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	760	635	19.6%
Nợ ngắn hạn	749	627	19.4%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	415	341	21.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	251	195	28.7%
Nợ dài hạn	10.7	8.08	32.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	2.66	0.32	731%
Nguồn vốn chủ sở hữu	410	411	-0.3%
Vốn chủ sở hữu	410	411	-0.3%
Vốn điều lệ	321	321	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	252	71.3	157	120	306
Giá vốn hàng bán	232	76.2	149	99.6	286
Lợi nhuận gộp	19.8	-4.88	8.16	20.2	19.9
Doanh thu HĐTC	0.93	0.07	-0.05	0.01	38.0
Chi phí TC	10.0	6.88	8.15	10.7	9.89
Chi phí lãi vay	7.89	6.83	7.32	10.7	9.56
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.04	0.03	0.21	0.29	0.34
Chi phí QLDN	9.39	9.74	8.84	8.64	10.6
LN thuần từ HĐKD	1.26	-21.5	-9.10	0.60	37.0
Lợi nhuận khác	-2.70	-0.14	0.17	2.76	-1.66
LN trước thuế	-1.44	-21.6	-8.93	3.37	35.3
Lợi nhuận sau thuế	-2.79	-21.7	-9.02	2.84	30.5
LNST của CĐ cty mẹ	-3.09	-21.9	-9.14	2.11	30.6

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	183	-5.76	-43.8	-45.9	-8.77
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-209	0.05	-0.03	0.00	68.2
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	26.2	4.61	37.6	48.8	-14.3
Tiền đầu kỳ	11.2	11.6	10.5	4.30	7.22
Lưu chuyển tiền thuần	0.40	-1.11	-6.22	2.92	45.1
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	11.6	10.5	4.30	7.22	52.3

(Nguồn: fireant.vn)